

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 45

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổ kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Cao Kỳ	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2022
Ông Trần Văn Khoa	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên	
Ông Đào Truyền	Thành viên	

Tổ Kiểm toán nội bộ

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đào Truyền	Tổ trưởng
Ông Nguyễn Quang Tiến	Thành viên
Bà Huỳnh Diệp Quyên	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Vân	Trưởng ban
Ông Phan Công Bình	Thành viên
Ông Lê Hải Thuyết	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Cao Kỳ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Hải Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2022
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Đăng Hiền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Ông Nguyễn Cao Kỳ, Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021;

Ông Nguyễn Hải Đức, Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật từ ngày 01/01/2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Số: 33/2022/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2022 từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán số 33/2021/RSMHN-BCKT ngày 17/03/2021.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1334-2021-240-1

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		786.726.817.967	690.184.375.206
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	117.243.091.391	231.406.724.419
1. Tiền	111		6.130.091.391	4.087.724.419
2. Các khoản tương đương tiền	112		111.113.000.000	227.319.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		504.749.790.850	211.407.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	504.749.790.850	211.407.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.766.829.822	166.733.503.260
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	24.866.129.947	39.823.809.239
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	44.308.489.164	118.353.082.164
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	19.027.138.858	16.070.130.625
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(6.779.618.723)	(7.514.945.277)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	4.7	344.690.576	1.426.509
IV. Hàng tồn kho	140	4.8	80.089.442.186	80.009.676.395
1. Hàng tồn kho	141		80.089.442.186	80.009.676.395
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.877.663.718	627.471.132
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	1.769.548.132	627.471.132
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.108.115.586	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.358.805.864.505	1.338.441.431.044
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		423.224.000	274.448.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	423.224.000	274.448.000
II. Tài sản cố định	220		1.228.810.661.856	1.188.021.471.620
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	1.219.499.572.894	1.174.110.498.594
Nguyên giá	222		3.372.796.521.696	3.133.912.735.193
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.153.296.948.802)	(1.959.802.236.599)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	9.311.088.962	13.910.973.026
Nguyên giá	228		29.578.748.774	28.280.116.121
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.267.659.812)	(14.369.143.095)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		37.034.791.652	76.416.653.419
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.12	37.034.791.652	76.416.653.419
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.294.557.443	27.185.094.384
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.13	4.650.000.000	4.650.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.13	25.799.610.000	23.690.770.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	4.13	(1.155.052.557)	(1.155.675.616)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		63.242.629.554	46.543.763.621
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	63.242.629.554	46.543.763.621
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.145.532.682.472	2.028.625.806.250

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.464.954.869.120	1.365.871.385.452
I. Nợ ngắn hạn	310		647.324.780.290	588.730.785.153
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.14	113.056.786.066	80.580.702.415
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.15	36.980.775.071	112.294.590.071
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.16	6.110.270.672	37.020.141.312
4. Phải trả người lao động	314		97.057.479.604	136.300.823.100
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	48.831.078.790	29.023.863.450
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.610.651.084	8.103.967.113
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	36.816.607.421	64.643.118.014
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	293.667.260.305	110.346.225.519
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.193.871.277	10.417.354.159
II. Nợ dài hạn	330		817.630.088.830	777.140.600.299
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.18	30.223.918.863	28.148.782.819
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	778.528.397.054	738.366.735.488
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		8.877.772.913	10.625.081.992
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		680.577.813.352	662.754.420.798
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	680.577.813.352	662.754.420.798
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		589.714.420.000	575.710.160.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		589.714.420.000	575.710.160.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(470.673.364)	(470.673.364)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.443.636.522	9.443.636.522
4. Cổ phiếu quỹ	415		(11.173.978.888)	(11.173.978.888)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.130.697.119	1.130.697.119
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91.933.711.963	88.114.579.409
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		43.900.472.004	42.972.438.916
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48.033.239.959	45.142.140.493
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.145.532.682.472	2.028.625.806.250



Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Trần Thị Triều Linh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chí
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	4.361.399.276.305	4.572.888.176.180
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.361.399.276.305	4.572.888.176.180
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	4.114.489.843.821	4.261.840.960.760
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		246.909.432.484	311.047.215.420
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	27.396.557.966	21.664.031.769
7. Chi phí tài chính	22	5.4	58.465.437.044	61.923.028.421
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		58.228.715.538	61.256.183.126
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	69.810.764.625	131.755.291.940
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	94.005.175.180	93.228.398.731
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.024.613.601	45.804.528.097
11. Thu nhập khác	31	5.7	6.092.078.190	31.149.781.848
12. Chi phí khác	32	5.8	2.014.925.675	12.736.445.911
13. Lợi nhuận khác	40		4.077.152.515	18.413.335.937
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.101.766.116	64.217.864.034
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	8.068.526.157	19.075.723.541
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		48.033.239.959	45.142.140.493
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.5	836	362
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.6	836	362



Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Trần Thị Triều Linh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chí
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		56.101.766.116	64.217.864.034
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		203.786.034.621	202.310.503.724
Các khoản dự phòng	03		(84.485.421)	5.586.588.332
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(590.206.883)	(32.932.836)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.895.065.687)	(19.633.261.329)
Chi phí lãi vay	06		58.228.715.538	61.256.183.126
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		291.546.758.284	313.704.945.051
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		98.486.345.403	(83.059.892.115)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(79.765.791)	6.561.805.706
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(127.412.342.441)	51.534.297.268
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(17.840.942.933)	50.369.918.591
Tiền lãi vay đã trả	14		(57.769.709.120)	(64.384.652.472)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.520.699.399)	(15.658.388.588)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.369.510.000	2.279.290.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(19.551.195.366)	(15.922.594.315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		154.227.958.637	245.424.729.126
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(203.403.133.323)	(134.520.401.274)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		304.609.866	272.651.109
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(557.624.790.850)	(160.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		264.282.000.000	229.569.882.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.108.840.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.102.174.907	20.899.810.876
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(478.447.979.400)	(44.678.057.289)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	1.041.216.033.239	1.876.731.348.031
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(817.143.130.004)	(1.948.539.052.403)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(14.016.515.500)	(8.010.123.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		210.056.387.735	(79.817.827.972)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		231.406.724.419	110.477.880.554
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		117.243.091.391	231.406.724.419



Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Trần Thị Triều Linh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chí
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Điện lực Khánh Hòa – Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 30/06/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000162 ngày 30/06/2005 do Sở Kế hoạch đầu tư Khánh Hòa cấp. Từ đó đến nay, Công ty đã 13 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 05/01/2022 với mã số doanh nghiệp là 4200601069.

Theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 05/02/2010 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa được chuyển về Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 01/04/2010.

Ngày 08/12/2006 UBCK Nhà nước cấp giấy phép niêm yết số 107/UBCKGPNY cho cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán KHP. Theo đó, ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán KHP là ngày 27/12/2006.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 589.714.420.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 977 người (31 tháng 12 năm 2020 là: 995 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Điện lực và xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng, quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Xây lắp các công trình điện, lưới điện và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt và sửa chữa hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thi công, lắp đặt và sửa chữa hệ thống năng lượng tái tạo;
- Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110KV;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Các hoạt động khác..

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2021, đại dịch COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp và ảnh hưởng tới toàn bộ nền kinh tế Việt Nam nói chung và kết quả kinh doanh của Công ty nói riêng. Doanh thu trong năm 2021 sụt giảm đáng kể so với trước khi đại dịch COVID-19 xảy ra.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một công ty liên kết như sau:

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Tầng 5, tòa nhà VCN đường A1, KĐT Vĩnh Diêm Trung – Tp Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa	31%	31%	31%

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2021

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
▪ Khác	03 – 10 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động kinh doanh điện năng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thay công tơ cháy hỏng định kỳ và chi phí công tơ phát triển mới;
- Các khoản chi phí trả trước khác (chủ yếu là giá trị công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động kinh doanh điện năng chờ phân bổ và chi phí thuê đất).

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Các chi phí phải trả bao gồm chi phí trích trước mua điện mặt trời mái nhà, chi phí sửa chữa lớn, chi phí kiểm định công tơ, chi phí chỉnh trang cáp treo cột điện...

3.16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp.

3.17. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.18. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu dịch vụ bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp (xác định theo chỉ số trên công tơ điện của năm sử dụng điện gần nhất trước ngày lập Báo cáo tài chính) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.18 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.19. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.21. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm đi vay vốn và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

3.22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

hàng), chi phí hội nghị khách hàng, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí công tư phân bổ và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.23. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.25. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.26. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.27. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	119.911.522	173.964.544
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.957.914.413	3.900.759.875
Tiền đang chuyển	52.265.456	13.000.000
Các khoản tương đương tiền	111.113.000.000	227.319.000.000
Cộng	117.243.091.391	231.406.724.419

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (trên 3 tháng đến 12 tháng)	504.749.790.850	504.749.790.850	211.407.000.000	211.407.000.000
Cộng	504.749.790.850	504.749.790.850	211.407.000.000	211.407.000.000

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mường Thanh	4.179.410.500	4.179.410.500
Cục thuế tỉnh Khánh Hòa	-	1.180.769.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	4.072.000.000	4.072.000.000
Các đối tượng khác	16.614.719.447	30.391.629.739
Cộng	24.866.129.947	39.823.809.239

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	98.208.161.732
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Nha Trang	4.563.276.892	5.875.745.776
Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Thịnh Phát	-	3.265.598.873
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi	3.588.484.953	1.474.038.547
Công ty Cổ phần Cấp điện Thịnh Phát	5.636.138.640	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thiên Danh An	4.408.617.187	-
Các đối tượng khác	26.111.971.492	9.529.537.236
Cộng	44.308.489.164	118.353.082.164
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan – xem thêm mục 8	-	98.208.161.732

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	200.200.000	-	181.400.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.727.596.100	-	2.647.585.250	-
Lãi dự thu	12.422.153.683	-	6.933.872.769	-
Tạm ứng	386.792.000	-	684.470.760	-
Phải thu khác	4.290.397.075	-	5.622.801.846	-
Cộng	19.027.138.858	-	16.070.130.625	-
Trong đó: Phải thu khác các bên liên quan – xem thêm mục 8	200.200.000	-	181.400.000	-

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn				
Cầm cố, ký cược, ký quỹ dài hạn	423.224.000	-	274.448.000	-
Cộng	423.224.000	-	274.448.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Dự phòng phải thu khách hàng tiền điện	(11.437.163)	(58.216.329)
Dự phòng phải thu khách hàng khác	(6.768.181.560)	(7.456.728.948)
Cộng	(6.779.618.723)	(7.514.945.277)

4.7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Hàng tồn kho kiểm kê thiếu	344.690.576	1.426.509
Cộng	344.690.576	1.426.509

4.8. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	38.412.441.826	-	36.318.732.235	-
Công cụ, dụng cụ	2.750.543.100	-	4.970.221.720	-
Chi phí SX, KD dở dang	38.926.457.260	-	38.720.722.440	-
Cộng	80.089.442.186	-	80.009.676.395	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm là 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.769.548.132	627.471.132
Cộng	1.769.548.132	627.471.132
Dài hạn:		
Chi phí thay công tơ cháy hỏng thay thế định kỳ	44.015.118.493	30.187.797.693
Công tơ phát triển mới	7.835.654.137	6.300.488.522
Chi phí công cụ dụng cụ	3.317.793.726	9.926.403.905
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.074.063.198	129.073.501
Cộng	63.242.629.554	46.543.763.621

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2021	238.337.852.473	1.064.122.913.140	1.713.281.833.120	109.073.741.301	9.096.395.159	3.133.912.735.193
Mua trong năm	-	17.263.676.785	3.303.970.896	3.905.295.000	-	24.472.942.681
Đầu tư xây dựng hoàn thành	1.969.648.872	44.435.903.232	166.393.779.222	7.155.438.809	36.212.602	219.990.982.737
Nhận bàn giao		44.824.818	52.165.932	-		96.990.750
Phân loại lại		1.181.700.000		(1.181.700.000)		-
Giảm do thanh lý	-	(2.504.622.607)	(216.103.700)	(604.350.821)	-	(3.325.077.128)
Giảm khác	-	(139.498.688)	(2.212.553.849)	-	-	(2.352.052.537)
Tại ngày 31/12/2021	240.307.501.345	1.124.404.896.680	1.880.603.091.621	118.348.424.289	9.132.607.761	3.372.796.521.696
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2021	80.824.017.781	669.295.093.026	1.141.382.408.654	63.752.846.551	4.547.870.587	1.959.802.236.599
Khấu hao trong năm	9.640.236.738	66.712.411.960	102.680.156.771	16.716.126.772	1.788.585.663	197.537.517.904
Giảm do thanh lý	-	(2.504.622.607)	(216.103.700)	(604.350.821)	-	(3.325.077.128)
Giảm khác	-	(87.740.722)	(629.987.851)	-	-	(717.728.573)
Tại ngày 31/12/2021	90.464.254.519	733.415.141.657	1.243.216.473.874	79.864.622.502	6.336.456.250	2.153.296.948.802
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2021	157.513.834.692	394.827.820.114	571.899.424.466	45.320.894.750	4.548.524.572	1.174.110.498.594
Tại ngày 31/12/2021	149.843.246.826	390.989.755.023	637.386.617.747	38.483.801.787	2.796.151.511	1.219.499.572.894

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.071.339.522.150 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	13.089.143.285	15.190.972.836	28.280.116.121
Mua trong năm	823.570.000	-	823.570.000
Đầu tư xây dựng hoàn thành	43.224.482	781.838.171	825.062.653
Thanh lý, nhượng bán	(350.000.000)	-	(350.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	13.605.937.767	15.972.811.007	29.578.748.774
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	10.252.497.720	4.116.645.375	14.369.143.095
Khấu hao trong năm	1.526.901.985	4.721.614.732	6.248.516.717
Thanh lý, nhượng bán	(350.000.000)	-	(350.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	11.429.399.705	8.838.260.107	20.267.659.812
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	2.836.645.565	11.074.327.461	13.910.973.026
Tại ngày 31/12/2021	2.176.538.062	7.134.550.900	9.311.088.962

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 13.062.552.245 VND

4.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công trình xây dựng mới xuất tuyến 476B-E24 và hoàn thiện lưới điện xuất tuyến 476-E24 khu vực Ninh Hòa	-	7.287.076.985
Hoàn lưới điện xuất tuyến 475-ENT khu vực Ninh Hòa	-	5.242.879.725
Công trình hoàn thiện lưới điện các xuất tuyến 471, 473, 474, 475, 476-E30 khu vực Cam Lâm	-	5.023.353.441
Công trình HTLD TA kv Ninh Hòa 2019	-	4.293.401.733
Hoàn thiện lưới điện các xuất tuyến 473, 476 và 479-EBĐ khu vực Cam Lâm năm 2021	4.138.966.319	-
Hoàn thiện lưới điện xuất tuyến 473-F9 khu vực Cam Ranh năm 2021	5.024.559.550	-
Lắp máy thứ 2 - 40MVA - TBA 110kV Ninh Hòa	15.150.207.086	-
Các công trình xây dựng cơ bản khác	12.721.058.697	54.569.941.535
Cộng	37.034.791.652	76.416.653.419

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	4.650.000.000		-	4.650.000.000		-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	4.650.000.000	6.975.000.000	-	4.650.000.000	4.278.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25.799.610.000		(1.155.052.557)	23.690.770.000		(1.155.675.616)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	13.824.610.000	Không xác định	(1.155.052.557)	11.715.770.000	Không xác định	(1.155.675.616)
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	11.975.000.000	16.439.280.000	-	11.975.000.000	12.329.460.000	-
Cộng	<u>30.449.610.000</u>		<u>(1.155.052.557)</u>	<u>28.340.770.000</u>		<u>(1.155.675.616)</u>

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ

Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2021 và tại ngày 01/01/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HNX tại các ngày tương ứng là 31/12/2021 (12.000đ/CP) và 31/12/2020 (9.000đ/CP), số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.369.940 cổ phiếu.

Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2021 và tại ngày 01/01/2021 của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa được xác định theo giá đóng cửa trên sàn Upcom tại các ngày tương ứng là 31/12/2021 (15.000đ/CP) và 31/12/2020 (9.200đ/CP), số lượng cổ phiếu nắm giữ: 465.000 cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn và cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	23.870.594.598	23.870.594.598	335.479.987	335.479.987
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.665.158.000	1.665.158.000	171.129.508	171.129.508
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	293.470.004	293.470.004	1.250.129.983	1.250.129.983
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	231.136.956	231.136.956	928.963.699	928.963.699
Công ty Điện lực Phú Yên	6.235.295.572	6.235.295.572	38.203.674	38.203.674
Công ty Cổ phần Tập đoàn Toji	1.495.263.000	1.495.263.000	13.859.268.935	13.859.268.935
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Nha Trang	10.441.894.431	10.441.894.431	14.344.046.348	14.344.046.348
Công ty TNHH Thương mại Mỹ Phương	-	-	5.474.712.306	5.474.712.306
Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Thịnh Phát	5.515.771.949	5.515.771.949	9.117.737.741	9.117.737.741
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Tuy Phước Bình Định	374.095.700	374.095.700	4.611.650.207	4.611.650.207
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất dây và Cáp điện Đại Long	1.705.824.274	1.705.824.274	1.220.709.908	1.220.709.908
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi	8.302.825.516	8.302.825.516	4.138.772.178	4.138.772.178
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thiên Danh An	13.236.953.869	13.236.953.869	-	-
Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị Điện Đông Anh	11.383.570.000	11.383.570.000	-	-
Các đối tượng khác	28.304.932.197	28.304.932.197	25.089.897.941	25.089.897.941
Cộng	113.056.786.066	113.056.786.066	80.580.702.415	80.580.702.415
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	30.399.360.174	30.399.360.174	1.623.813.644	1.623.813.644

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trung tâm phát triển Quý đất Khánh Hòa	13.977.723.526	14.494.418.460
Trung tâm phát triển Quý đất Thành phố Nha Trang	4.526.744.585	4.526.744.585
Công ty TNHH KN Cam Ranh	-	1.748.791.000
Công ty TNHH Điện lực Vân Phong	9.261.992.000	-
Các đối tượng khác	9.214.314.960	91.524.636.026
Cộng	36.980.775.071	112.294.590.071

4.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2021 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT	-	57.729.614.398	83.200.000.000	25.470.385.602
Thuế thu nhập doanh nghiệp	551.470.035	8.068.526.157	15.520.699.399	8.003.643.277
Thuế thu nhập cá nhân	5.558.800.637	17.436.809.869	15.136.110.265	3.258.101.033
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.101.053.943	2.389.065.343	288.011.400
Thuế môn bài	-	16.000.000	16.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	91.442.035	91.442.035	-
Cộng	6.110.270.672	85.443.446.402	116.353.317.042	37.020.141.312

4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Lãi vay dự trả	2.195.381.977	1.736.375.559
Chi phí phải trả khác	46.635.696.813	27.287.487.891
Cộng	48.831.078.790	29.023.863.450

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	47.981.228	1.639.210
Kinh phí công đoàn	207.501.240	531.757.526
Các khoản BHXH, BHYT, BHTN	-	2.626.240
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	352.950.000	182.950.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	34.712.705.918	62.460.561.553
<i>Dự án cải tạo và phát triển lưới điện Diên Khánh</i>	-	14.876.401.095
<i>Lãi vay dự án nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110 kV (i)</i>	12.239.827.123	12.239.827.123
<i>Tiểu dự án cải tạo lưới điện phân phối Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa thuộc dự án DEP (ii)</i>	18.968.007.086	28.968.007.086
<i>Dự án nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110 kV (ii)</i>	3.504.871.709	3.504.871.709
<i>03 xe ô tô khen thưởng</i>	-	2.871.454.540
Cổ tức phải trả	15.692.100	14.453.600
Các khoản phải trả khác	1.479.776.935	1.449.129.885
Cộng	36.816.607.421	64.643.118.014
Trong đó: Phải trả khác cho bên liên quan – xem thêm mục 8	34.712.705.918	62.460.561.553
Dài hạn		
Tiền ký cược sử dụng điện	30.223.918.863	28.148.782.819
Cộng	30.223.918.863	28.148.782.819

(i) Công ty ghi nhận 12.239.827.123 VND tiền lãi do Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thanh toán hộ trong năm 2019 và 2020 của dự án nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110 kV.

(ii) Công ty bàn giao cho Công ty Điện lực Phú Yên (đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) nguyên trạng phần tài sản do Tổng Công ty Điện lực Miền Trung đã đầu tư, cải tạo trên 02 tài sản cũ của Công ty, đang ghi nhận trên sổ sách của Công ty tại thời điểm 0h00 ngày 01/09/2020 đối với 02 dự án lưới điện dưới đây:

- Tiểu dự án Cải tạo lưới điện phân phối Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa thuộc dự án DEP, vay vốn Ngân hàng Thế giới ("WB");
- Dự án Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV từ TBA 110kV Nha Trang - Ninh Hòa.

Công ty thực hiện hoàn trả cho Tổng Công ty Điện lực Miền Trung số tiền chênh lệch khấu hao tài sản đã trích đến thời điểm bàn giao trừ phần nguồn vốn KHCB và gốc vay Công ty đã trả cho EVNCP, số tiền là 32.472.878.795 VND (nợ gốc là 28.953.613.546 VND; chênh lệch tỷ giá là 3.519.265.249 VND). Năm 2021, Công ty đã chi trả 10.000.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	160.069.000.000	160.069.000.000	871.000.000.000	710.931.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Nha Trang	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Khánh Hòa	46.729.000.000	46.729.000.000	150.000.000.000	103.271.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN - CN Khánh Hòa	75.000.000.000	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Khánh Hòa	38.340.000.000	38.340.000.000	636.000.000.000	597.660.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	124.358.157.790	124.358.157.790	130.054.371.673	106.802.336.887	101.106.123.004	101.106.123.004
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.240.102.515	9.240.102.515	-	-	9.240.102.515	9.240.102.515
Cộng	293.667.260.305	293.667.260.305	1.001.054.371.673	817.733.336.887	110.346.225.519	110.346.225.519

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Dài hạn

	Tại ngày 31/12/2021		Trong năm		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:	820.443.030.880	820.443.030.880	170.216.033.239	106.802.336.887	757.029.334.528	757.029.334.528
Tập đoàn điện lực Việt Nam	11.540.446.679	11.540.446.679	-	2.096.691.787	13.637.138.466	13.637.138.466
Tổng Công ty Điện lực miền Trung	34.315.627.117	34.315.627.117	-	3.016.286.004	37.331.913.121	37.331.913.121
Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa	108.173.378.332	108.173.378.332	50.922.196.013	19.347.500.000	76.598.682.319	76.598.682.319
Ngân hàng TMCP An Bình	27.033.155.000	27.033.155.000	-	13.501.540.000	40.534.695.000	40.534.695.000
Ngân hàng TMCP Công Thương VN	301.643.355.993	301.643.355.993	26.213.953.226	24.758.000.000	300.187.402.767	300.187.402.767
Ngân hàng TMCP Quân Đội	20.229.366.435	20.229.366.435	-	4.481.307.096	24.710.673.531	24.710.673.531
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	229.220.628.000	229.220.628.000	79.710.486.000	16.878.000.000	166.388.142.000	166.388.142.000
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	24.286.789.687	24.286.789.687	-	10.797.912.000	35.084.701.687	35.084.701.687
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20.888.788.233	20.888.788.233	-	7.842.000.000	28.730.788.233	28.730.788.233
Ngân hàng TMCP Á Châu	13.369.398.000	13.369.398.000	13.369.398.000	-	-	-
Công ty Cổ phần tài chính Điện lực	29.742.097.404	29.742.097.404	-	4.083.100.000	33.825.197.404	33.825.197.404
Nợ dài hạn khác	91.683.626.479	91.683.626.479	-	-	91.683.626.479	91.683.626.479
Sở tài chính Khánh Hòa	81.656.523.255	81.656.523.255	-	-	81.656.523.255	81.656.523.255
Các đối tượng khác	10.027.103.224	10.027.103.224	-	-	10.027.103.224	10.027.103.224
Cộng	912.126.657.359	912.126.657.359	170.216.033.239	106.802.336.887	848.712.961.007	848.712.961.007
Số phải trả trong vòng 12 tháng	133.598.260.305	133.598.260.305			110.346.225.519	110.346.225.519
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	124.358.157.790	124.358.157.790			101.106.123.004	101.106.123.004
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.240.102.515	9.240.102.515			9.240.102.515	9.240.102.515
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	778.528.397.054	778.528.397.054			738.366.735.488	738.366.735.488
Trong đó: Vay các bên liên quan – Xem thêm mục 8	45.856.073.796	45.856.073.796			50.969.051.587	50.969.051.587

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn được chi tiết như sau:

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 31/12/2021				Tại ngày 01/01/2021			
						Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Nợ dài hạn đến hạn trả
I.	VAY DÀI HẠN												
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam					\$ 503.509,89	11.540.446.679	9.617.046.119	1.923.400.560	\$ 587.427,89	13.637.138.466	11.688.982.096	1.948.156.370
	Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới	USD	1,2%/năm	19 năm	06 tháng, từ ngày 15/06/2010	\$ 503.509,89	11.540.446.679	9.617.046.119	1.923.400.560	\$ 587.427,89	13.637.138.466	11.688.982.096	1.948.156.370
2	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung					\$ 1.497.191,41	34.315.627.117	31.773.728.983	2.541.898.134	\$ 1.608.094,47	37.331.913.121	34.757.298.583	2.574.614.538
	TBA 110KV Ninh Thủy và nhánh rẽ	USD	1,09%/năm	25 năm	06 tháng, từ ngày 05/02/2021	\$ 1.497.191,41	34.315.627.117	31.773.728.983	2.541.898.134	\$ 1.608.094,47	37.331.913.121	34.757.298.583	2.574.614.538
3	Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa					-	108.173.378.332	84.219.378.332	23.954.000.000	-	76.598.682.319	57.353.182.319	19.245.500.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, cải tạo các TBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	7,9 %/năm đến 8,29%/năm (tùy thuộc vào khoản vay)	Từ 60 tháng đến 114 tháng (Tùy thuộc khoản vay)	01 tháng, từ tháng 5/2018 đến tháng 9/2020 (tùy thuộc vào khoản vay)		108.173.378.332	84.219.378.332	23.954.000.000		76.598.682.319	57.353.182.319	19.245.500.000
4	Ngân hàng TMCP An Bình					-	27.033.155.000	17.822.615.000	9.210.540.000	-	40.534.695.000	27.033.155.000	13.501.540.000
	Nhà điều hành Diên Khánh - Khánh Vĩnh	VND	7,7 %/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 01/2015		1.540.000.000	760.000.000	780.000.000		2.320.000.000	1.540.000.000	780.000.000
	Sửa chữa điện nóng Khánh Hòa - Hotline	VND	7,7 %/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 9/2016		3.934.800.000	3.060.000.000	874.800.000		4.809.600.000	3.934.800.000	874.800.000
	Vay tài trợ dự án Amorphaus	VND	7,7 %/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 4/2017		3.675.000.000	2.975.000.000	700.000.000		4.375.000.000	3.675.000.000	700.000.000
	Dự án NCS E33 lắp MBA T2 T.110KV Nam Cam Ranh	VND	7,7 %/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 4/2017		13.622.355.000	11.027.615.000	2.594.740.000		16.217.095.000	13.622.355.000	2.594.740.000
	Vay mua công tơ điện 2017 - NH An Bình	VND	7,7 %/năm	60 tháng	03 tháng, từ tháng 01/2018		4.261.000.000	-	4.261.000.000		12.813.000.000	4.261.000.000	8.552.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 31/12/2021				Tại ngày 01/01/2021			
						Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Nợ dài hạn đến hạn trả
5	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam					-	301.643.355.993	264.297.355.993	37.346.000.000	-	300.187.402.767	275.429.402.767	24.758.000.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, lắp đặt thiết bị điện, thay thế MBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	Từ 8,2%/năm đến 8,5%/năm (tùy thuộc vào khoản vay)	Từ 120 tháng đến 240 tháng (tùy thuộc vào khoản vay)	03 tháng, từ tháng 7/2014 đến tháng 12/2021 (tùy thuộc vào khoản vay)		301.643.355.993	264.297.355.993	37.346.000.000		300.187.402.767	275.429.402.767	24.758.000.000
6	Ngân hàng TMCP Quân Đội					-	20.229.366.435	15.748.059.339	4.481.307.096	-	24.710.673.531	20.229.366.435	4.481.307.096
	Các khoản vay liên quan đến nâng cấp cải tạo hệ thống liên quan đến ngày điện	VND	7,8 %/năm	Từ 60 tháng đến 120 tháng (tùy thuộc vào khoản vay)	01 tháng hoặc 03 tháng, từ tháng 01/2019 đến tháng 7/2020 (tùy thuộc vào khoản vay)		15.050.442.435	12.295.431.339	2.755.011.096		17.805.453.531	15.050.442.435	2.755.011.096
	21250.19.800.1603479.TD (Mua TS) - Vay mua TSCĐ (MB Bank)	VND	7,8 %/năm	60 tháng	01 tháng, từ tháng 01/2020		5.178.924.000	3.452.628.000	1.726.296.000		6.905.220.000	5.178.924.000	1.726.296.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 31/12/2021				Tại ngày 01/01/2021			
						Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Nợ dài hạn đến hạn trả
7	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam					-	229.220.628.000	157.495.909.000	22.178.000.000	-	166.388.142.000	154.514.142.000	11.874.000.000
	01.KHPC/HĐTD - Các công trình giảm tổn thất điện năng, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện 2018 (Agribank)	VND	7,497 %/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2019		41.010.000.000	36.640.000.000	4.370.000.000		45.000.000.000	41.010.000.000	3.990.000.000
	02.2019.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư 28 dự án năm 2018 chuyển tiếp - Agribank	VND	7,542 %/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 7/2019		63.947.458.000	55.947.458.000	8.000.000.000		58.336.021.000	52.028.021.000	6.308.000.000
	03.2019.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư 11 dự án các công trình HTLD trung áp năm 2019 - Agribank	VND	7,272 %/năm	126 tháng	03 tháng, từ tháng 7/2019		36.307.274.000	32.027.274.000	4.280.000.000		25.106.625.000	23.530.625.000	1.576.000.000
	04.2020.KHPC/HĐTD - Mua sắm xe gầu Hotline và hệ thống dụng cụ bypass	VND	7,65 %/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2020		9.969.779.000	8.817.779.000	1.152.000.000		10.257.779.000	10.257.779.000	
	05.2020.KHPC/HĐTD - Mua sắm thiết bị đo đếm, mua sắm thiết bị/ thuê thiết bị đo xa 2020	VND	7,65 %/năm	60 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2020		28.439.398.000	24.063.398.000	4.376.000.000		27.687.717.000	27.687.717.000	
	06.2021.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	8,0 %/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 11/2022		32.939.360.000	32.939.360.000	-				
	07.2021.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	8,0 %/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 11/2022		14.220.590.000	14.220.590.000	-				
	08.2021.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	8,0 %/năm	60 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2022		2.386.769.000	2.386.769.000	-				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 31/12/2021				Tại ngày 01/01/2021			
						Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND Quy đổi	Dài hạn	Nợ dài hạn đến hạn trả
8	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam					-	24.286.789.687	13.488.877.687	10.797.912.000	-	35.084.701.687	24.286.789.687	10.797.912.000
	LAV190020525/1200 (EXIM) - Vay tài trợ công tơ điện tử và đo xa 2018	VND	8,33 %/năm	60 tháng	03 tháng, từ tháng 3/2020		24.286.789.687	13.488.877.687	10.797.912.000		35.084.701.687	24.286.789.687	10.797.912.000
9	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)					-	20.888.788.233	13.046.788.233	7.842.000.000	-	28.730.788.233	20.888.788.233	7.842.000.000
	01/2019/311745/HĐTD - Vay mua công tơ điện 2019 (BIDV)	VND	7,525 %/năm	60 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2020		20.888.788.233	13.046.788.233	7.842.000.000		28.730.788.233	20.888.788.233	7.842.000.000
10	Ngân hàng TMCP Á Châu					-	13.369.398.000	13.369.398.000	-	-	-	-	-
	Vay mua Công tơ điện 2021	VND	7,83 %/năm	60 tháng	3 tháng, từ tháng 11/2022		13.369.398.000	13.369.398.000					
11	Công ty tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFC)					-	29.742.097.404	25.658.997.404	4.083.100.000	-	33.825.197.404	29.742.104.404	4.083.093.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, lắp đặt thiết bị điện, thay thế MBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	8,33%/năm	120 tháng	03 tháng từ tháng 3/2020 đến tháng 12/2020		29.742.097.404	25.658.997.404	4.083.100.000		33.825.197.404	29.742.104.404	4.083.093.000
II.	NỢ DÀI HẠN												
1	Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa	VND	0%/năm	120 tháng	12 tháng		81.656.523.255	72.416.420.740	9.240.102.515		81.656.523.255	72.416.420.740	9.240.102.515
2	Các đối tượng khác	VND	0%/năm				10.027.103.224	10.027.103.224	-		10.027.103.224	10.027.103.224	
	TỔNG CỘNG					\$ 2.000.701,30	912.126.657.359	778.528.397.054	133.598.260.305	\$ 2.195.522,36	848.712.961.007	738.366.735.488	110.346.225.519

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.20. Vốn chủ sở hữu****4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2020	415.512.960.000	(470.673.364)	27.343.428.181	(11.173.978.888)	112.311.822.070	99.326.630.251	642.850.188.250
Tăng vốn trong năm trước	160.197.200.000	-	-	-	-	-	160.197.200.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	45.142.140.493	45.142.140.493
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(17.227.648.745)	(17.227.648.745)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.010.259.200)	(8.010.259.200)
Giảm trong năm trước	-	-	(17.899.791.659)	-	(111.181.124.951)	(31.116.283.390)	(160.197.200.000)
Số dư tại ngày 01/01/2021	575.710.160.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(11.173.978.888)	1.130.697.119	88.114.579.409	662.754.420.798
Tăng vốn trong năm nay (i)	14.004.260.000	-	-	-	-	-	14.004.260.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	48.033.239.959	48.033.239.959
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	(16.192.093.405)	(16.192.093.405)
Chia cổ tức (iii)	-	-	-	-	-	(28.022.014.000)	(28.022.014.000)
Tại ngày 31/12/2021	589.714.420.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(11.173.978.888)	1.130.697.119	91.933.711.963	680.577.813.352

- (i) Vốn góp tăng trong năm từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021. Theo đó, tỷ lệ phát hành cổ phiếu trả cổ tức là 2,5%/VĐL.
- (ii) Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021.
- (iii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 5%/VĐL (trong đó 2,5% chi trả bằng tiền và 2,5% trả bằng cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.20.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	575.710.160.000	415.512.960.000
Vốn góp tăng trong năm	14.004.260.000	160.197.200.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	589.714.420.000	575.710.160.000

4.20.3. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	307.253.960.000	299.759.970.000
Các cổ đông khác	267.460.460.000	260.950.190.000
Cổ phiếu quỹ	15.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	589.714.420.000	575.710.160.000

4.20.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	58.971.442	57.571.016
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	58.971.442	57.571.016
- Cổ phiếu phổ thông	58.971.442	57.571.016
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.471.442	56.071.016
- Cổ phiếu phổ thông	57.471.442	56.071.016
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.20.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	48.033.239.959	45.142.140.493
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(16.192.093.405)
Lãi từ tài sản nhận bàn giao và hỗ trợ lãi vay	-	(12.872.510.694)
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.033.239.959	16.077.536.394
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	57.471.442	44.384.499
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	836	362

4.20.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	48.033.239.959	45.142.140.493
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(16.192.093.405)
Lãi từ tài sản nhận bàn giao và hỗ trợ lãi vay	-	(12.872.510.694)
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.033.239.959	16.077.536.394
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	57.471.442	44.384.499
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	57.471.442	44.384.499
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	836	362

Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được tính lại từ Lợi nhuận sau thuế TNDN trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021.

Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 được tính từ Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ chưa quy định cụ thể tỷ lệ trích quỹ này).

4.20.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 5%/VĐL (trong đó 2,5% chi trả bằng tiền và 2,5% trả bằng cổ phiếu). Trong năm 2021, Theo đó, số chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 14.017.754.000 VND, số cổ tức chi trả bằng cổ phiếu là 14.004.260.000 VND tương ứng số cổ phiếu phân phối thành công là 1.400.426 cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán điện	4.228.439.769.649	4.405.443.921.340
Doanh thu hoạt động cho thuê cột điện	33.414.181.828	26.733.599.330
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	71.238.947.016	112.558.682.586
- Xây lắp điện	42.759.413.670	71.026.943.249
- Khảo sát, thiết kế công trình điện	2.910.655.538	3.894.332.084
- Mắc dây, đặt điện	9.354.389.409	15.918.175.740
- Sửa chữa, thí nghiệm điện	16.214.488.399	21.719.231.513
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.790.618.927	23.521.508.698
Doanh thu nhượng bán vật tư, hàng hóa, phế liệu	9.515.758.885	4.630.464.226
Cộng	4.361.399.276.305	4.572.888.176.180
Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	663.867.142	986.979.409

Năm 2021, Công ty tiếp tục thực hiện hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho khách hàng sử dụng điện ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 theo các văn bản sau:

- Công văn số 9764/BCT-ĐTĐL ngày 18/12/2020 của Bộ Công Thương về việc hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 đợt 2 trong ba (03) tháng cuối năm 2020.
- Công văn 3163/BCT-ĐTĐL ngày 03/06/2021 của Bộ Công thương về việc hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 đợt 3 trong (07) tháng cuối năm 2021.
- Công văn 4748/BCT-ĐTĐL ngày 06/08/2021 của Bộ Công thương về việc hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 đợt 4 trong (07) tháng cuối năm 2021 đối với các cơ sở cách ly y tế tập trung phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 và giảm trong 2 tháng (tháng 8, tháng 9) đối với khách hàng sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt.

Theo đó, tổng doanh thu hỗ trợ miễn/giảm tiền điện cho khách hàng sử dụng điện trong năm 2021 là 98.057.549.397 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán điện	4.031.026.505.723	4.148.561.049.571
Giá vốn hoạt động cho thuê cột điện	17.803.772.714	14.548.449.022
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	55.683.437.402	88.898.414.445
- Xây lắp điện	34.922.045.262	60.565.222.371
- Khảo sát, thiết kế công trình điện	1.902.990.172	2.299.941.455
- Lắp dây, đặt điện	7.851.806.952	13.123.926.518
- Sửa chữa, thí nghiệm điện	11.006.595.016	12.909.324.101
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.586.254.403	6.080.113.767
Giá vốn nhượng bán vật tư, hàng hóa, phế liệu	6.389.873.579	3.752.933.955
Cộng	4.114.489.843.821	4.261.840.960.760

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.347.485.821	18.853.455.654
Cổ tức lợi nhuận được chia	1.242.970.000	917.470.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.892.671	43.557.251
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	590.206.883	32.932.836
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.189.002.591	1.816.616.028
Cộng	27.396.557.966	21.664.031.769

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	58.228.715.538	61.256.183.126
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(623.059)	445.454.721
Chi phí tài chính khác	237.344.565	221.390.574
Cộng	58.465.437.044	61.923.028.421

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	18.793.647.985	80.801.076.543
Chi phí nhân viên bán hàng	33.231.013.055	31.265.252.747
Chi phí khấu hao tài sản	213.274.609	209.005.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.223.847.377	7.367.825.491
Chi phí bằng tiền khác	5.348.981.599	12.112.131.954
Cộng	69.810.764.625	131.755.291.940

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.097.216.612	4.207.116.722
Chi phí nhân viên quản lý	52.057.129.297	49.254.818.033
Chi phí khấu hao tài sản	18.773.003.157	12.562.696.946
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(83.862.362)	5.141.133.611
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.041.849.419	7.885.516.346
Chi phí bằng tiền khác	11.119.839.057	14.177.117.073
Cộng	94.005.175.180	93.228.398.731

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	395.053.115	104.725.813
Thu nhập từ tài sản biếu tặng	96.990.750	15.880.031.531
Các khoản thu nhập khác	5.600.034.325	15.165.024.504
Cộng	6.092.078.190	31.149.781.848

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản chi phí khác	2.014.925.675	12.736.445.911
Cộng	2.014.925.675	12.736.445.911

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.101.766.116	64.217.864.034
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(15.759.135.330)	31.160.753.670
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	(14.516.165.330)	32.078.223.670
- Chi phí không được trừ	(14.516.165.330)	32.078.223.670
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	1.242.970.000	917.470.000
- Cổ tức được nhận	1.242.970.000	917.470.000
Tổng thu nhập tính thuế	40.342.630.786	95.378.617.704
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.068.526.157	19.075.723.541
<i>Trong đó: Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay</i>	<i>8.068.526.157</i>	<i>18.999.114.183</i>
<i>Thuế TNDN nộp theo thông báo số 84/TB_KTNN ngày 15/1/2020</i>	<i>-</i>	<i>76.609.358</i>

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.793.784.850	194.146.055.075
Chi phí nhân công	321.004.191.578	322.630.557.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định	202.721.799.796	201.454.157.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.568.755.107.701	3.680.092.051.400
Chi phí khác bằng tiền	68.236.634.521	84.991.142.258
Cộng	4.278.511.518.446	4.483.313.963.273

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.041.216.033.239	1.876.731.348.031
Cộng	1.041.216.033.239	1.876.731.348.031

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	817.143.130.004	1.948.539.052.403
Cộng	817.143.130.004	1.948.539.052.403

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là bán điện trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa thuộc lãnh thổ duy nhất là Việt Nam. Doanh thu từ bán điện chiếm hơn 97% tổng doanh thu trong kỳ.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Điện lực Phú Yên	Công ty cùng tập đoàn
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên Ban Quản lý
Các bên liên quan khác trong nội bộ tập đoàn và bên liên quan khác theo quy định hiện hành	Bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	98.208.161.732
Cộng - Xem thêm mục 4.4	-	98.208.161.732
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	200.200.000	181.400.000
Cộng - Xem thêm mục 4.5	200.200.000	181.400.000
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	23.870.594.598	335.479.987
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	293.470.004	1.250.129.983
Công ty Điện lực Phú Yên	6.235.295.572	38.203.674
Cộng - Xem thêm mục 4.13	30.399.360.174	1.623.813.644
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả khác		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	34.712.705.918	62.460.561.553
- Phải trả lãi vay	12.239.827.123	12.239.827.123
- Phải trả khác	22.472.878.795	50.220.734.430
Cộng - Xem thêm mục 4.17	34.712.705.918	62.460.561.553
Vay và nợ thuê tài chính		
Vay dài hạn	45.856.073.796	50.969.051.587
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11.540.446.679	13.637.138.466
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	34.315.627.117	37.331.913.121
Cộng - Xem thêm mục 4.18	45.856.073.796	50.969.051.587

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Trả gốc vay	1.941.778.602	1.958.226.559
Trả lãi vay	159.444.191	184.024.187
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Mua điện thương phẩm	2.740.420.377.640	3.477.594.665.038
Chia cổ tức	14.987.989.250	4.282.285.400
Trả gốc vay	2.562.969.717	-
Trả gốc nợ	-	75.642.801.327
Trả lãi vay	383.914.589	2.667.119.040
Trả khác (TK 33888_ vốn KHCB của dự án ADB)	14.876.401.095	-
Trả khác (TK 33888_ vốn KHCB của dự án DEP)	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa		
Mua vật tư	2.660.322.797	2.188.072.715
Nhận cổ tức	558.000.000	232.500.000
Bán điện	638.752.458	858.494.097
KHPC cung cấp DV thí nghiệm điện	25.114.684	128.485.312
Công ty Điện lực Phú Yên		
Thuê tài sản	86.534.634.366	41.551.040.514

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Đối tượng	Chức danh	Giao dịch với bên liên quan	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Chủ tịch HĐQT	Thù lao, lương, thưởng	1.189.435.639	1.071.367.929
Ông Nguyễn Cao Kỳ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thù lao, lương, thưởng	1.177.615.101	1.075.403.668
Ông Đào Truyền	Thành viên HĐQT	Thù lao	114.588.000	32.292.000
Ông Trần Văn Khoa	Thành viên HĐQT	Thù lao	118.386.000	78.174.000
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT	Thù lao	118.386.000	78.174.000
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	930.499.062	937.879.699
Ông Nguyễn Kim Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	96.296.631	584.724.998
Ông Trần Đăng Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	856.967.339	853.700.073
Ông Nguyễn Hải Đức	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	878.554.226	651.968.714
Cộng			5.480.727.998	5.363.685.081

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

<u>Đối tượng</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Thu nhập</u>	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Bà Nguyễn Thị Vân	Trưởng ban	Thù lao, lương, thưởng	827.485.321	719.360.986
Ông Phan Công Bình	Thành viên	Thù lao	102.825.600	71.904.000
Ông Lê Hải Thuyết	Thành viên	Thù lao	101.860.800	28.704.000
Phan Thị Thanh Mai (đã miễn nhiệm từ 1/4/2020)	Thành viên	Thù lao	-	21.600.000
Cộng			1.032.171.721	841.568.986

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**Công ty là bên đi thuê**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản thuê hoạt động các tài sản với Công ty Điện lực Phú Yên theo các Nghị quyết số 648/NQ-HĐTV ngày 01/10/2020 về việc cho thuê tài sản các dự án điện do EVNCPC trực tiếp đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Nghị quyết số 973/NQ-HĐTV ngày 31/12/2021 về việc cho thuê tài sản lưới điện Đường sắt tỉnh Khánh Hòa. Theo đó, các dự án đã thuê bao gồm.

<u>Tài sản đi thuê</u>	<u>Nguyên giá tài sản đi thuê 1.000.000 VND</u>
Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải ĐZ 110kV từ TBA 110kV Nha Trang Ninh Hòa	90.395
Tiểu dự án cải tạo lưới điện phân phối Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa thuộc dự án DEP, vay vốn WB	92.937
Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015 - 2020 (Dự án 2081 tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 1,2 và 3)	69.264
TBA 110kV Trung tâm Nha Trang và đấu nối	189.886
Công trình đấu nối 110kV sau TBA 220kV Vân Phong	31.275
Nâng cao KN mang tải ĐZ 110 kV Suối dầu Cam Ranh	53.705
Tài sản lưới điện đường sắt tỉnh Khánh Hòa	2.151
Cộng	529.613

Thời hạn thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động là 10 năm:

	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	86.534.634.366	41.551.040.514

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 05/01/2022, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 13. Theo đó người đại diện pháp luật được thay đổi từ Ông Nguyễn Cao Ký sang Ông Nguyễn Hải Đức. Theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

ngợi quyết số 518/NQ-ĐLKH ngày 31/12/2021 của Hội đồng quản trị, ông Nguyễn Hải Đức là người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 01/01/2022.

Ngày 26/01/2022, Hội đồng quản trị đã ra quyết định số 30/NQ-ĐLKH về việc tạm ứng cổ tức năm 2021 cho cổ đông bằng tiền mặt. Theo đó, tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 2,5%/vốn điều lệ, ngày đăng ký cuối cùng là 07/03/2022 và thời gian chi trả là 25/03/2022.

Ngoài các sự kiện trên, không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Trần Thị Triều Linh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chí
Người lập